SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN **BỆNH VIỆN NA RÌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 338 /BVNR-KD-TTB-VTYT	*Na Rì, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

V/v mời báo giá hóa chất, thuốc thử xét nghiệm mua sắm bổ sung phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân và khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Na Rì

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Na Rì có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm bổ sung hóa chất, thuốc thử xét nghiệm để phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân và khám, chữa bệnh tại đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Na Rì

Địa chỉ: Thôn Phố Mới, xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nông Quang Huỳnh

- Chức vụ: Trưởng khoa

- Địa chỉ: khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;

- Số điện thoại: 0977 045 132. Email: khoaduocttytnr@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá trực tiếp gửi về: Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế, Bệnh viện Na Rì. Địa chỉ: Thôn Phố Mới, xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên, với tiêu đề "Báo giá của Công ty ...”

- Nhận qua email: Bản Scan và File mềm vui lòng gửi về email: khoaduocttytnr@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 7h00 ngày 23 tháng 6 năm 2026 đến trước 17h ngày 03 tháng 7 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, thuốc thử xét nghiệm mua sắm bổ sung yêu cầu báo giá gồm:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa tại Bệnh viện Na Rì.

Yêu cầu báo giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng, bảo quản và các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 7 năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán theo tiến độ giao hàng

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ khi bên mời thầu nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
Gửi bản điện tử, bản giấy:
- Như kính gửi (Mời);
- Phòng KH-TH đăng cổng thông tin điện tử;
- Khoa Dược - TTB - VTYT.
- Lưu: VT, KD- TTB-VTYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN NA RÌ

Trần Thị Hằng

PHỤ LỤC DANH MỤC HÓA CHẤT, THUỐC THỬ XÉT NGHIỆM MUA SẮM BỔ SUNG

(Kèm theo Văn bản số: 338 /BVNR-KD-TTB-VTYT ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Na Rì)

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	ml	Phương pháp: UV kinetic Dải đo/Phạm vi báo cáo: 4.8 - 400 mg/dl Thành phần chính: R1: TRIS buffer pH 7.8: 50 mmol/l GLDH ≥ 0.80 U/l Urease ≥ 12 U/ml R2: TRIS* buffer pH 9.6: 100 mmol/l 2-oxoglutarate 8.3 mmol/l NADH ≥ 0.23 mmol/l Standard: Urea Standard (cat. no.: 823S): 50 mg/dl Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	3.936
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	ml	Phương pháp: GOD-PAP (Glucose oxidase/ peroxidase) Khoảng đo lường: 0.36 – 963 mg/dl Giới hạn phát hiện: 2 mg/dl Thành phần chính: Phosphate buffer, pH 7.5: 0.1 mol/l Phenol: 7.5 mmol/l GOD: 12000 U/l POD: 660 U/l 4-Amino-antipyrine: 0.40 mmol/l Chất chuẩn: Glucose: 100 mg/dl Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	3.960

3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	ml	Phương pháp: Jaffe Khoảng đo lường: Huyết thanh/huyết tương: 1.0 - 2500 µmol/I Giới hạn phát hiện: 0,1mg/dl (8,8 µmol/l) Thành phần chính: R1: Sodium hydroxide 0.2 mol/L R2: Picric acid 25 mmol/L Creatinine Standard : 2 mg/dL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	3.280
4	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	ml	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 3 - 1000 U/L Giới hạn phát hiện: 1.5 U/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8: 100 mmol/l L-Aspartate: 200 mmol/l MDH ≥ 1 KU/l LDH ≥ 2 KU/l R2: NADH ≥ 1.5 mmol/l 2-Oxoglutarate: 12 mmol/l Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	4.920
5	Thuốc thử xét nghiệm GPT(ALT)	ml	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 1.7 - 900 U/L Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 µkat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.4: 100 mmol/l L-Alanine 500 mmol/l LDH 1200 U/l R2: NADH2: 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate: 15 mmol/l Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	4.920

6	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	ml	Phương pháp: ChOD-PAP (Cholesterol oxidase/peoxidase) Phạm vi: 1.8 – 750mg/dL Giới hạn phát hiện: 3 mg/dl (0.08 mmol/l) Thành phần chính: Pipes buffer, pH 6.9: 90 mmol/l Phenol: 26 mmol/l Cholesterol oxidase: 200 U/l Cholesterol esterase: 300 U/l Peroxidase 1250 U/l 4-Aminoantipyrine 0.4 mmol/l Chất chuẩn: Cholesterol Standard 200 mg/dl (5.17mmol/l) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	1.950
7	Thuốc thử ly giải hồng cầu	ml	Thành phần chính: Detergent < 4.0% Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	6.000
8	IVD làm sạch và bảo trì máy phân tích huyết học	ml	Thành phần chính: Detergent < 0.5% Sodium chloride < 1.0% Buffer < 0.3% Preservative < 0.2% Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	50.000
9	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học	ml	Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	320.000

10	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên D	ml	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên D, dòng (clone): (P3X61 + P3X21223B10 + P3X290 + P3X35) Nguyên lý ngưng kết hồng cầu Thành phần chính: 0.001% Anti-D IgG/IgM Blend, 0.02% Na2HPO4, 0.5%BSA, 0.03% NaCl, 0.2% EDTA Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	30
11	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A	ml	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A, dòng (clone): (9113D10) Nguyên lý ngưng kết hồng cầu Thành phần chính: 0.001% Anti-A monoclonal, 0.02% Na2HPO4, 0.5%BSA, 0.03% NaCl, 0.2% EDTA, Blue colour Stain (≤ 0.1 ml/L) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	50
12	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên B	ml	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên B, dòng (clone): (9621A8) Nguyên lý ngưng kết hồng cầu Thành phần chính: 0.001% Anti-B monoclonal, 0.02% Na2HPO4, 0.5%BSA, 0.03% NaCl, 0.2% EDTA, Yellow colour Stain (≤ 0.09 ml/L) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	50
13	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A, kháng nguyên B	ml	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A, kháng nguyên B, dòng (clone): (152D12 + 9113D10) Nguyên lý ngưng kết hồng cầu Thành phần chính: 0.001% Anti-AB monoclonal, 0.02% Na2HPO4, 0.5%BSA, 0.03% NaCl, 0.2% EDTA Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	50
14	Bộ xét nghiệm định lượng AFP	Test	Thành phần chính: Enzym liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn kháng AFP đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-NaCl có chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Test	100

15	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA125	Test	Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase đánh dấu chuột đơn dòng Anti-CA125 trong đệm PBS chứa casein và BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Test	100
16	Bộ xét nghiệm định lượng CA72-4	Test	Thành phần chính: Enzyme liên hợp. HRP (horseradish peroxidase) được dán nhãn kháng CA72-4 đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-HCl chứa gelatin cá. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Test	100
17	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3	Test	Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn chuột đơn dòng kháng CA15-3 trong đệm MES chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Test	100
18	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	ml	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	250
19	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để bách phân bạch cầu	ml	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	ml	250

20	Bộ nhuộm Ziehl neelsen	Bộ	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin chai 250 mL, Acid Alcohol (hydrochloric acid in ethanol) chai 250 mL và Methylene Blue chai 250 mL.	Bộ	4
21	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV	Test	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm khẳng định HIV của viện Vệ sinh dịch tễ TW năm 2020 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Test	500